

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 17-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Cường

2. Ông Nguyễn Văn Phẩm

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Ông Ngô Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** **Chị Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp C, xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** **Anh Võ Thanh T1**, sinh năm: 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TP, xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày: Nguyên vào năm 2018, chị với anh Võ Thanh T1 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu quen biết, được gia đình hai bên chấp nhận tiến đến hôn nhân, kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/3/2018 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến khoảng tháng 6 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường gây cãi dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do trong sinh hoạt vợ chồng luôn nghi ngờ lẫn nhau về tiền bạc nên dẫn tới bất đồng quan điểm sống, cự cãi. Gia đình hai bên đã nhắc nhở, khuyên bảo nhưng không đạt kết quả và

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên đã ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Kể từ đó, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Thanh T1.

Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Võ Nguyễn Phước L, sinh ngày 19/6/2020, hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Võ Thanh T1 nhưng anh T1 vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Võ Thanh T1 vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; thư ký Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Võ Thanh T1. Giao cháu cho Võ Nguyễn Phước L, sinh ngày 19/6/2020, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Án phí: nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Ngọc T và anh Võ Thanh T1 kết hôn theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long ngày 28/3/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: xét thấy chị T cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận khoảng tháng 6 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường gây cựa cãi, hai bên luôn nghi ngờ lẫn nhau trong sinh hoạt gia đình, tiền bạc nên dẫn tới bất đồng quan điểm sống, không

hợp nhau. Gia đình hai bên đã nhắc nhở, khuyên bảo nhưng không đạt kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên vợ chồng không còn sống chung tháng 11 năm 2020 đến nay. Kể từ đó, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Anh T1 đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh T1 vắng mặt không có lý lo. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung với nhau, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được; do đó, Hội đồng xét xử xét yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Võ Nguyễn Phước L, sinh ngày 19/6/2020, xét trong thời gian vợ chồng không còn sống chung cháu L do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu L còn quá nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: tiếp tục giao Võ Nguyễn Phước L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết

[5] Về án phí: chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Võ Thanh T1.

2/Về con chung: Giao Võ Nguyễn Phước L, sinh ngày 19/6/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Do bên trực tiếp nuôi dưỡng chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

3/Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện M theo lai thu số N^o 0006707 ngày 21 tháng 01 năm 2021, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAT: 01;
- VKSND huyện MT:01;
- THADS huyện MT: 01;
- UBND xã T2:01;
- Đương sự: 02;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám